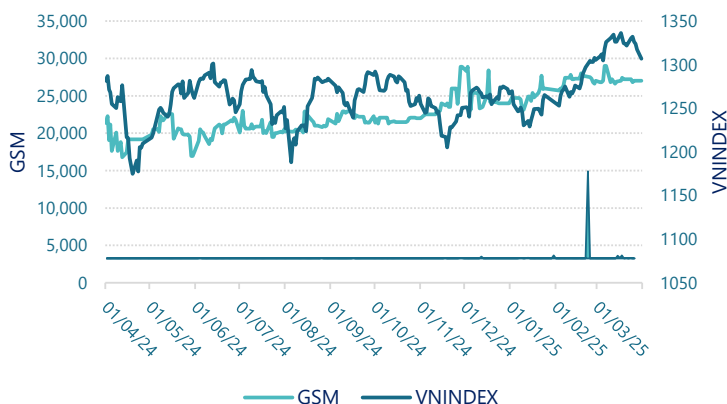


CTCP Thủy điện Hương Sơn (UPCOM: GSM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	27,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,781
SL cổ phiếu LH	28,562,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	605
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	771
P/E	8.5
EPS	3,179

DT thuần

Q1/25

48.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼29.3| -37.5%

YoY: ▲ 26.1| 115%

LN sau thuế

Q1/25

22.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.5| -54.4%

YoY: ▲ 21.1| 1710%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

50.9%

+/- YoY: ▲ 13.5%

DT thuần

2024

157

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.0| 26.0%

LN sau thuế

2024

69.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.4| 92.1%

ROE

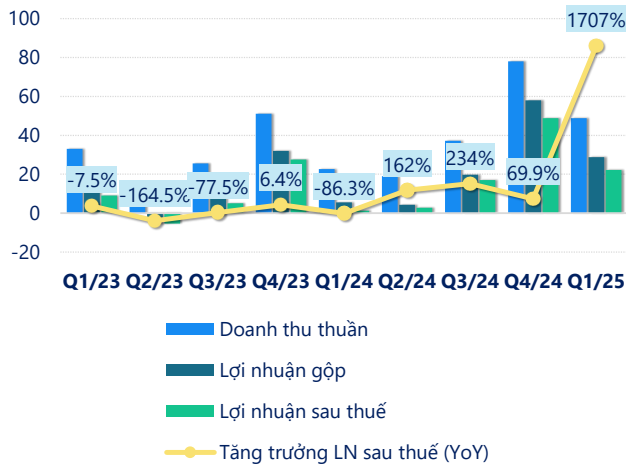
2024

13.9%

+/- YoY: ▲ 6.5%

tỷ VNĐ

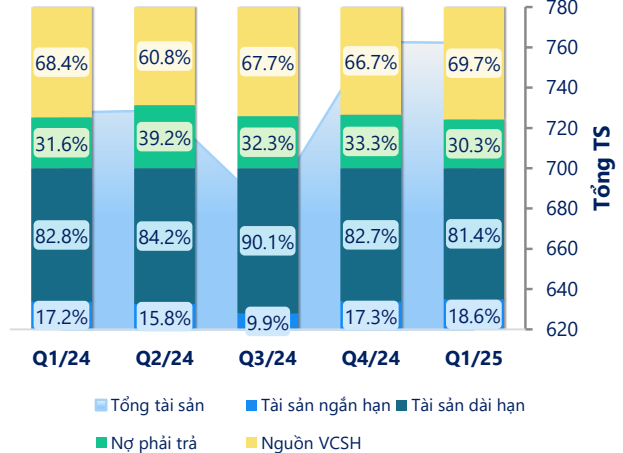
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

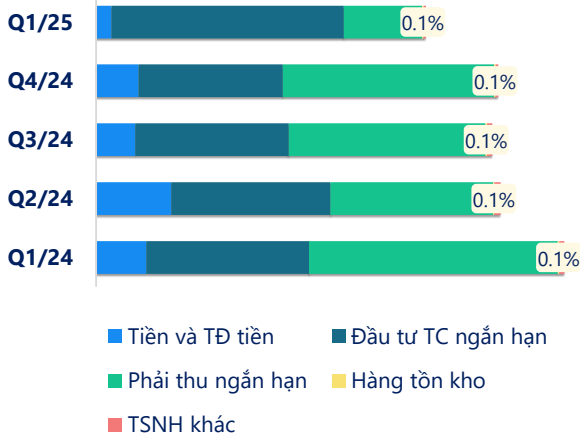
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



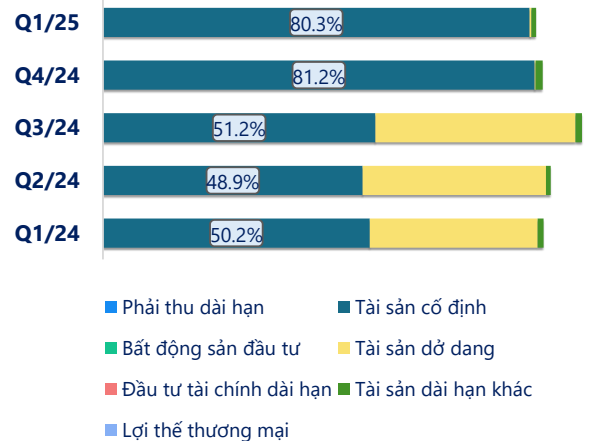
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

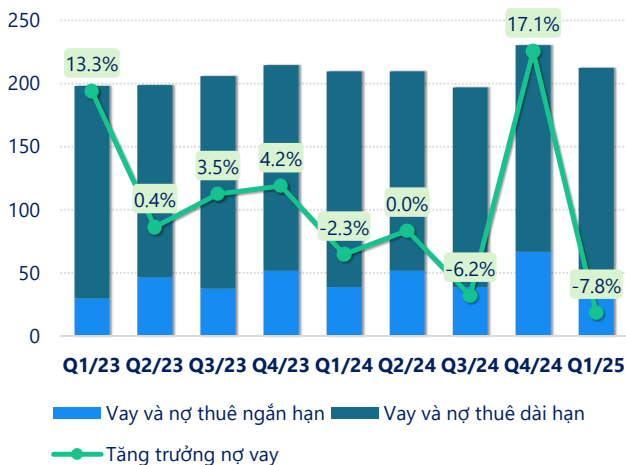
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

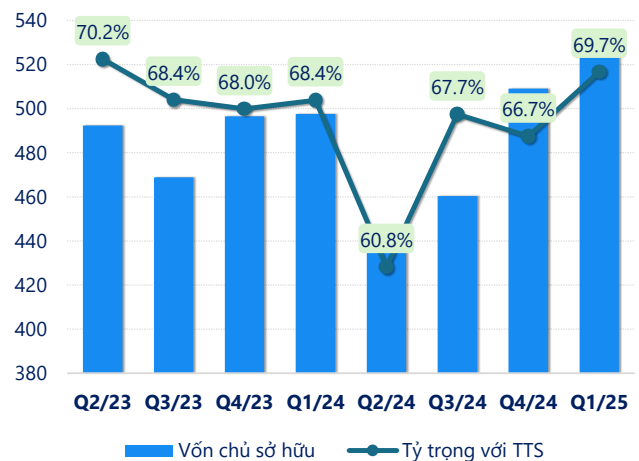
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

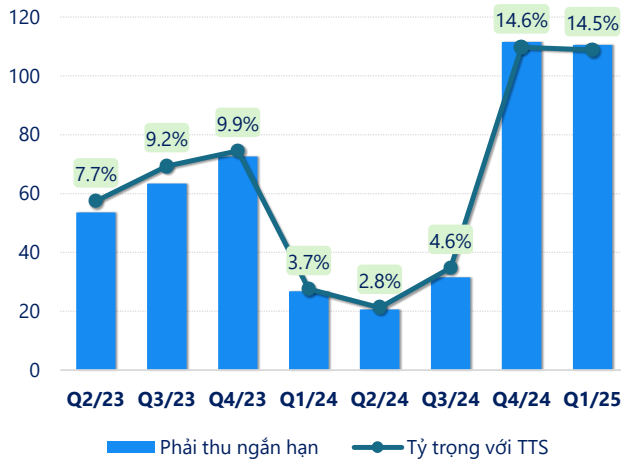
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



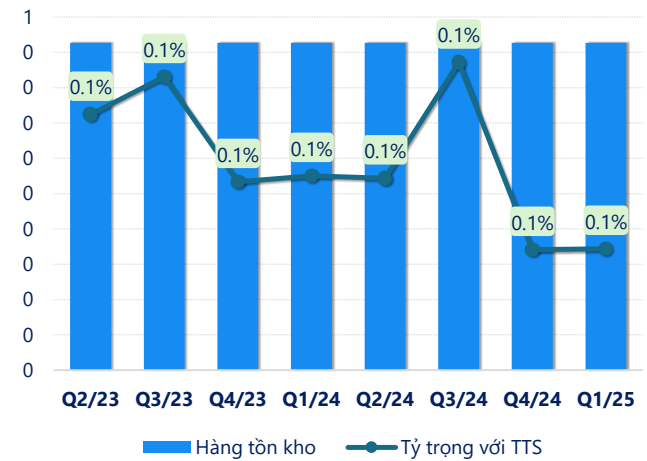
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


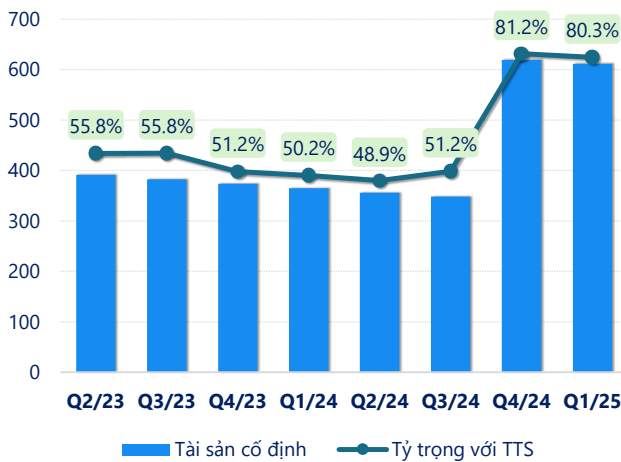
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


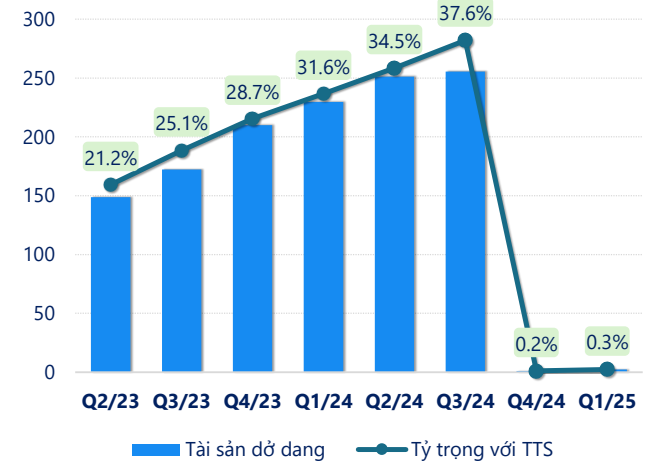
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	728	729	680	763	762
Tài sản ngắn hạn	125	115	67.4	132	141
Tiền và tương đương tiền	17.1	25.8	12.5	15.2	5.48
Đầu tư tài chính ngắn hạn	79.5	67.6	22.7	4.69	24.7
Phải thu ngắn hạn	26.8	20.6	31.5	112	111
Hàng tồn kho	0.46	0.46	0.46	0.46	0.46
Tài sản ngắn hạn khác	0.91	0.70	0.21	0.14	0.20
Tài sản dài hạn	603	614	612	631	621
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	365	356	348	619	612
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	230	251	256	1.19	2.40
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	8.10	6.32	8.52	10.1	6.71
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	230	285	219	254	231
Nợ ngắn hạn	59.1	127	61.2	89.9	64.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	38.8	51.7	38.8	66.7	45.7
Phải trả người bán ngắn hạn	10.5	11.2	12.0	8.92	6.23
Nợ dài hạn	171	158	158	164	167
Vay và nợ thuê dài hạn	171	158	158	164	167
Nguồn vốn chủ sở hữu	498	443	460	509	531
Vốn chủ sở hữu	498	443	460	509	531
Vốn điều lệ	286	286	286	286	286
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)